TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 73/2021/HNGĐ-ST Ngày 14-12-2021 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Vĩnh;

Bà Đặng Thị Minh.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Phan Xuân Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2021/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 951/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Ngô Thị T, trú tại: Thôn Q, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn T, trú tại: Thôn Q, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 9 năm 2021 và các bản tự khai của nguyên đơn chị Ngô Thị T trình bày:

Chị T xây dựng hạnh phúc với anh Phạm Văn T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 6 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A,

thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống cùng với bố mẹ đẻ anh T tại thôn Q, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng và có 02 con chung. Quá trình chung sống đến năm 2019 thì vợ chồng xảy mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cách sống không phù hợp nhau, anh T chơi bời cờ bạc, hay uống rượu nhiều lần chửi, xúc phạm chị. Anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, gia đình biết đã khuyên can nhưng anh T không thay đổi cách sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị T đã về nhà bố mẹ đẻ cùng thôn Q, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng ở từ tháng 10 năm 2020 và sống ly thân với anh T từ đó đến nay, hai bên không còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn T. Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung là Phạm Văn B, sinh ngày 31 tháng 5 năm 2004 và Phạm Duy K, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2009. Ly hôn chị T đề nghị được nuôi con Phạm Duy K, chị nhường anh T nuôi con Phạm Văn B, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn T có lời khai thể hiện: Anh nhất trí lời khai của chị T về thời gian và điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu do tính tình vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng nhiều lần cãi nhau, mỗi lần vợ chồng cãi nhau chị T bỏ đi, thời gian đầu anh có tìm nhưng đến tháng 11 năm 2020 chị T bỏ đi luôn không chung sống với anh nữa. Anh T xét thấy vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, chị T xin ly hôn anh, anh đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh T nhất trí vợ chồng có 02 con chung, họ, tên, tuổi các con như chị T trình bày. Ly hôn anh nhất trí nuôi con Phạm Văn B, nhường chị T nuôi con Phạm Duy K, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Ngô Thị T đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Phạm Văn T vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải. Chị T và anh T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử cho chị Ngô Thị T được ly hôn anh Phạm Văn T; về con chung: Giao con Phạm Văn B, sinh ngày 31 tháng 5 năm 2004 cho anh T nuôi dưỡng; giao con Phạm Duy K, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2009 cho chị T nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không bên

nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau; về tài sản chung: Chị T và anh T không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về án phí: Chị Ngô Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Ngô Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con đối với anh Phạm Văn T. Anh T có nơi cư trú tại thôn Q, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Nguyên đơn chị Ngô Thị T và bị đơn anh Phạm Văn T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Ngô Thị T và anh Phạm Văn T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị T và anh Phạm Văn T xây dựng hạnh phúc với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 6 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng với bố mẹ anh T tại thôn Quyết Thắng 3, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống chị T và anh T xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cách sống không phù hợp nhau, không tin tưởng nhau về tình cảm nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, nhiều lần xảy ra cãi vã, xô xát, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Chị T đưa 01 con về nhà bố mẹ đẻ cùng thôn Q, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng ở từ tháng 10 năm 2020 và sống ly thân với anh T từ đó đến nay. Chị T xin ly hôn anh T, anh T có lời khai đồng ý ly hôn nhưng anh T không đến Tòa án. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T xin ly hôn anh T là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung là Phạm Văn B, sinh ngày 31 tháng 5 năm 2004 và Phạm Duy K, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2009. Tại lời khai chị T và anh T ý kiến chị T nhận nuôi con Phạm Duy K, anh T nhận nuôi con Phạm Văn B, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Xét hiện nay chị T và anh T đều có việc làm, có thu nhập, có nơi ở đảm bảo nuôi con và ý kiến của các con anh chị nên giao cho chị T nuôi con Phạm Duy K, giao cho anh T nuôi con Phạm Văn B là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Chị Ngô Thị T và anh Phạm Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Ngô Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Ngô Thị T được ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao con Phạm Văn B, sinh ngày 31 tháng 5 năm 2004 cho anh Phạm Văn T nuôi dưỡng; giao con Phạm Duy K, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2009 cho chị Ngô Thị T nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Ngô Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Ngô Thị T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001053 ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Ngô Thị T đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Ngô Thị T và anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã A;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhạn